

Số: **96** /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **17** tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thị xã Hương Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 3, HĐND tỉnh Khóa VII;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy tại Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 10 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thị xã Hương Thủy với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2017

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	HT năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Cơ cấu (%) năm 2017	Tăng, giảm so với HT
I	DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN	45.465,95	45.465,95	100,00	0,00
1	Đất nông nghiệp	36.776,33	36.386,93	80,03	-389,40
1.1	Đất trồng lúa	3.476,64	3.341,05	9,18	-135,59
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>3.215,17</i>	<i>3082,89</i>	<i>92,27</i>	<i>132,28</i>

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	661,40	608,50	1,67	-52,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2.098,37	2.069,15	5,69	-29,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	10.912,54	10.912,54	29,99	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	343,82	335,13	0,92	-8,69
1.6	Đất rừng sản xuất	18.806,39	18.602,15	51,12	-204,24
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	337,11	334,91	0,92	-2,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	140,06	183,50	0,50	43,44
2	Đất phi nông nghiệp	8.338,44	8.752,71	19,25	414,27
2.1	Đất quốc phòng	898,76	907,76	10,37	9,00
2.2	Đất an ninh	8,26	10,12	0,12	1,86
2.3	Đất khu công nghiệp	183,75	195,54	2,23	11,79
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	74,80	79,30	0,91	4,50
2.6	Đất thương mại dịch vụ	62,45	71,79	0,82	9,34
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	125,70	128,37	1,47	2,67
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	18,84	18,84	0,22	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	4.187,28	4.335,86	49,54	148,58
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	25,14	25,14	0,29	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	30,31	61,31	0,70	31,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	472,03	494,34	5,65	22,31
2.14	Đất ở tại đô thị	562,71	721,81	8,25	159,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	22,65	24,02	0,27	1,37
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,97	0,97	0,01	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	24,09	24,09	0,28	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	634,43	653,32	7,46	18,89
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, gốm sứ	14,68	14,68	0,17	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4,96	5,16	0,06	0,20
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	2,34	2,34	0,03	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	97,96	97,96	1,12	-
2.24	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	620,21	615,37	7,03	-4,84
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	266,12	264,62	3,02	-1,50
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	351,18	326,31	0,72	-24,87

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2017

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	326,84
1.1	Đất trồng lúa	LUA	135,59
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>131,78</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	52,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	28,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	8,69
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	99,24
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	24,28
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	12,27
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	9,95
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	

2.24	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	1,50
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	389,40
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	135,59
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>DLN/PNN</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	52,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	29,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	8,69
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	160,80
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		10,00
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.5	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	10,00
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	14,05

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2017

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	24,87
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,79
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	1,00
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3,29
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,36
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	10,43
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	8,00
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

Nhu cầu sử dụng đất của các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 thị xã Hương Thủy được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, KHĐT, TC, NNPTNT, XD;
- BQL Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh;
- HĐND và UBND thị xã Hương Thủy;
- Phòng TNMT thị xã Hương Thủy;
- VP: CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu VT, ĐC.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ


PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN
THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017
(Đính kèm Quyết định số 96 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
I	Công trình, dự án quốc phòng - an ninh		
1	Trụ sở cảnh sát PCCC và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, huấn luyện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tỉnh Thừa Thiên Huế (Tổng quy mô 4,86 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 1.08 ha)	Xã Thủy Thanh	1,08
II	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		
1	Đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan	Thị xã Hương Thủy	42,63
III	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
1	Khu quy hoạch Bàu Quánh dưới	Xã Thủy Phù	0,89
2	Khu đất quy hoạch xứ Tả Biên.	Xã Thủy Phù	0,72
3	Khu đất quy hoạch xứ Mụ lái khu C	Xã Thủy Phù	0,47
4	Khu giết mổ gia súc, gia cầm	Xã Thủy Phù	0,85
5	Đường trung tâm xã Thủy Bằng giai đoạn 3	Xã Thủy Bằng	0,84
6	San nền sân bóng, mương thoát nước, tường rào trường THCS Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	0,12
7	Trường tiểu học Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	0,64
8	Nhà Văn hóa và khu thể thao xã Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	1,50
9	Đường gom số 3-4 tại Cụm công nghiệp Thủy Phương	Phường Thủy Phương	2,50
10	HTKT Khu dân cư tổ 14, Thủy Phương	Phường Thủy Phương	2,19
11	Kè chống sạt lở 2 bờ sông Lợi Nông, đoạn từ cầu Lợi Nông đến cầu Hồng Thủy, phường Thủy Dương	Phường Thủy Dương	2,00
12	Khu dân cư Khu vực 1	Phường Thủy Dương	9,00
13	Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu vực di dời các cơ sở kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ở phường Thủy Châu	Phường Thủy Châu	1,82
14	Mương thoát nước tổ 9, 10	Phường Thủy Châu	0,10
15	Xây dựng đường Quang Trung	Phường Thủy Lương, phường Phú Bài	3,48

16	Nâng cấp và mở rộng đê Hà Bạc	Xã Thủy Tân	0,76
17	Đường D2 nối dài	Thôn Tân Tô và Chiềc Bi, xã Thủy Tân	0,31
18	Đường cấp phối 2-9 nối Nam Cao	Phường Phú Bài	0,36
19	Đường giao thông khu 7C nối đường 2-9	Phường Phú Bài	0,38
20	Cải tạo nâng cấp mương thoát nước tổ 6 (Nạo vét khe công mặt trận giai đoạn cuối)	Phường Phú Bài	0,03
21	Hạ tầng kỹ thuật khu xen cư tổ 10	Phường Phú Bài	2,20
22	Khu quy hoạch dân cư Trạm bơm	Xã Thủy Thanh	1,65
23	Tuyến đường mặt cắt 36m và 19.5m xung quanh giai đoạn 1 dự án khu phức hợp Thủy Vân	Xã Thủy Vân	2,80
24	Dự án GPMB khu mô mã ký hiệu CV1	Xã Thủy Vân	1,86
25	HTKT khu TĐC Thủy Dương giai đoạn 3 - đô thị mới An Vân Dương	Phường Thủy Dương	0,36
26	HTKT khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3	Xã Thủy Thanh và Phường Thủy Dương	0,11
27	Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Thủy Thanh	0,70
28	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt trên địa bàn Tp. Huế và các vùng phụ cận	Xã Phú Sơn	26,00
29	Đường vào sân Golf Huế	Phường Thủy Dương	1,20
30	Khu phức hợp thủy Vân (giai đoạn 2)	xã Thủy Vân	43,50
31	Tuyến đường dây điện 110KV và Trạm Biến áp	Thị xã Hương Thủy	0,50
32	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy	Phường Phú Bài	0,31
33	Cụm Công nghiệp Thủy Phương (Dự án di dời trạm nghiền xi măng Long Thọ)	Xã Thủy Phương	1,50
34	Đường Tố Hữu nối sân bay Phú Bài (Tổng quy mô 44.0 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 42.0 ha)	Thị xã Hương Thủy	42,00
35	Cầu qua sông Như Ý (Tổng quy mô 4,5 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 2.5 ha)	Xã Thủy Vân	2,50
36	Bãi đỗ xe Buýt (Tổng quy mô 1,5 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 0.5 ha)	Xã Thủy Thanh	0,50
37	Xây dựng bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền trung (Tổng quy mô 16,07 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 8.07 ha)	Xã Thủy Bằng	8,07



PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017**

(Đính kèm Quyết định số: **96** /QĐ-UBND ngày **17** tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng		
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
I	Công trình, dự án quốc phòng - an ninh					
1	Trụ sở cảnh sát PCCC và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, huấn luyện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tỉnh Thừa Thiên Huế (Tổng quy mô 4,86 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 1.08 ha)	Xã Thủy Thanh	1,08	1,08		
II	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải chuyển mục đích					
1	Đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan	Thị xã Hương Thủy	42,63	1,00		
2	Vận hành hồ chứa nước trong tình huống khẩn cấp và quản lý lũ hiệu quả bằng hệ thống thông tin quản lý thiên tai liên quan đến nước	Các xã Dương Hòa và Thủy Bằng	0,02			0,01
III	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận					
1	Đất kinh doanh dịch vụ	Xã Thủy Châu	0,10	1,00		
2	Quy hoạch đất khu dân cư tổ 6	Xã Thủy Châu	1,17	1,17		
3	Khu quy hoạch dân cư Trạm bơm	Xã Thủy Thanh	1,65	1,00		
4	Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Thủy Thanh	0,70	0,70		
5	Khu du lịch cộng đồng và trải nghiệm Thanh Toàn	Xã Thủy Thanh	1,24	0,70		

6	Khu quy hoạch Bàu Quánh dưới	Xã Thủy Phù	0,89	0,10		
7	Khu đất quy hoạch xứ Tả Biên.	Xã Thủy Phù	0,72	0,20		
8	Khu đất quy hoạch xứ Mụ lái khu C	Xã Thủy Phù	0,47	0,09		
9	Đường trung tâm xã Thủy Bằng (giai đoạn 3)	Xã Thủy Bằng	0,84			0,40
10	Trường tiểu học Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	0,64	0,52		
11	Nhà văn hóa và khu thể thao xã Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	1,50	0,95		
13	Đường Quang Trung	Các phường Thủy Lương và Phú Bài	3,48	0,55		
13	HTKT Khu dân cư tổ 14, Thủy Phương	Phường Thủy Phương	2,19	0,36		
14	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy	Phường Phú Bài	0,31	0,31		
15	Khu đất ở xen ghép	Xã Thủy Tân	0,36	0,36		
16	Nâng cấp và mở rộng đê Hà Bạc	Xã Thủy Tân	0,76	0,07		
17	Đường D2 nối dài	Xã Thủy Tân	0,31	0,31		
18	Tuyến đường mặt cắt 36m và 19.5m xung quanh giai đoạn 1 dự án khu phức hợp Thủy Vân	xã Thủy Vân	2,80	1,70		
19	HTKT khu TĐC Thủy Dương giai đoạn 3 - đô thị mới An Vân Dương	Phường Thủy Dương	0,36	0,36		
20	HTKT khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3	Xã Thủy Thanh và Phường Thủy Dương	0,11	0,11		
21	Cầu qua sông Như Ý (Tổng quy mô 4,5 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 2.5 ha)	Xã Thủy Vân	2,50	1,05		
22	Xây dựng bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền trung	Xã Thủy Bằng	8,07			8,07

**PHỤ LỤC 3****DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT
NĂM 2015, 2016 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2017**

*Đính kèm Quyết định số: 96 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)
A	Công trình, dự án quốc phòng-an ninh		
1	Công an phường Thủy Dương	Phường Thủy Dương	0,17
2	Công an Phường Thủy Châu	Phường Thủy Châu	0,21
3	Trụ sở Công an phường	Phường Thủy Phương	0,14
4	Trụ sở làm việc lực lượng cảnh sát trật tự thuộc CA. tỉnh Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Thanh	0,26
5	Đường hầm (Ban chỉ huy Quân sự thị xã)	Xã Dương Hòa	9,00
B	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		
1	Dự án Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn 2 mở rộng	Xã Thủy Phù	11,79
C	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
I	Chuyển tiếp từ năm 2015		
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và TĐC đường Quang Trung	Phường Phú Bài	4,49
2	Nâng cấp, mở rộng đường Phùng Quán	Phường Thủy Dương	2,40
3	Khu dân cư liền kề Khu đô thị mới CIC8 (Giai đoạn 1)	Phường Thủy Dương	4,60
4	Đường hạ tầng Tổ 5 phường Thủy Châu	Phường Thủy Châu	1,63
5	Mở rộng, nâng cấp đường Khúc Thừa Dụ	Phường Thủy Dương	0,56
6	Trang trại tập trung	Phường Thủy Dương	1,80
7	Nhà văn hóa xã Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	0,40
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư TĐC2	phường Thủy Thanh	3,90
9	Khu dân cư Thủy Dương	Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy	36,00
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên toàn tỉnh (Tổng quy mô 3,71 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 1.0 ha)	Thị xã Hương Thủy	1,00
II	Chuyển tiếp từ năm 2016		
i	Xây dựng trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (thôn	Xã Thủy Phù	1,00

	1B)		
2	Khu TĐC tổ 5 phường Thủy Châu	Phường Thủy Châu	0,70
3	Đường Sóng Hồng nối dài Tỉnh lộ 10A	Phường Thủy Châu	1,75
4	HTKT khu dân cư TĐC đường Quang Trung (Phù Nam)	Phường Thủy Châu	3,00
5	Hạ tầng kỹ thuật Mương thoát nước tổ 1+2 phường Phú Bài (cạnh trụ sở cơ quan UBMTTQVN thị xã)	Phường Phú Bài	0,05
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thanh Lam giai đoạn 3, phường Thủy Phương	Phường Thủy Phương	1,80
7	HTKT khu tái định cư Thủy Dương giai đoạn 3, khu đô thị mới An Vân Dương	Phường Thủy Dương	5,12
8	HTKT khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3, khu đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương	6,14
9	Đường mặt cắt 19.5m đi qua khu đất xây dựng bệnh viện Sản - Nhi, thuộc khu E- đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương	0,54
10	Giải phóng mặt bằng cạnh khu vực thực hiện các dự án TĐC2 và đường Trường Chinh nối dài thuộc khu A-đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Thanh	2,45
11	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu TĐC2	Xã Thủy Thanh	3,90
12	HTKT khu TĐ4 thuộc khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương	Thủy Vân	5,10
13	Dự án đường nối Phạm Văn Đồng đến đường Thủy Dương Thuận An	Xã Thủy Vân	1,70
14	Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 1	Xã Thủy Vân	22,40
15	HTKT khu TĐ5 thuộc khu B- đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Vân	4,70
16	Đường lâm nghiệp phục vụ rừng trồng sản xuất	Xã Dương Hòa, Phú Sơn, Thủy Phù, Thủy Bằng	14,00
17	Khu hạ tầng kỹ thuật tiếp giáp hói Cây Sen	Phường Thủy Dương	5,80
18	Bệnh viện Sản nhi thuộc khu E khu đô thị mới AVD	Xã Thủy Thanh và Phường Thủy Dương	3,60
19	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Dương	0,60

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015, 2016 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2017
(Đính kèm Quyết định số: 96 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Trong đó diện tích xin chuyển mục đích sử dụng		
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
A	Công trình, dự án quốc phòng - an ninh					
1	Trụ sở làm việc lực lượng cảnh sát trật tự thuộc CA. tỉnh Thừa Thiên Huế	Thủy Thanh	0,26	0,26		
B	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận					
I	Chuyển tiếp từ năm 2015					
1	Đường hạ tầng Tổ 5 phường Thủy Châu	Phường Thủy Châu	1,63	1,63		
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và TĐC đường Quang Trung	Phường Phú Bài	4,80	4,00		
3	Khu dân cư liền kề Khu đô thị mới CIC8 (Giai đoạn 1)	Phường Thủy Dương	4,60	4,60		
4	Khu hạ tầng kỹ thuật tiếp giáp hẻm Cây Sen	Phường Thủy Dương	5,80	5,80		
5	Mạng lưới kinh doanh xăng dầu (nút giao đường Tự Đức - Thuận An và đường Hoàng Quốc Việt)	Thủy Thanh	0,15	0,15		
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên toàn tỉnh (Tổng quy mô 3,71 ha, trong đó phần diện tích thuộc thị xã Hương Thủy 1.0 ha)	Toàn tỉnh Thừa Thiên Huế	1,00	1,00		
II	Chuyển tiếp từ năm 2016					
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thanh Lam giai đoạn 3, phường Thủy Phương	Phường Thủy Phương	1,80	1,80		
2	Đất kinh doanh, dịch vụ.	Phường Thủy Châu	0,44	0,44		
3	Đường Sóng Hồng nối dài Tỉnh lộ 10A	Phường Thủy Châu	1,75	0,08		

4	Khu TĐC tổ 5 phường Thủy Châu	Phường Thủy Châu	0,7	0,40		
5	Các khu xen cư thôn Thanh Thủy Chánh	Xã Thủy Thanh	0,65	0,65		
6	Quy hoạch đầu giá xen cư thôn Cư Chánh 1	Xã Thủy Bằng	1,28	1,28		
7	Khu dân cư thôn Cư Chánh 2	Xã Thủy Bằng	1,30	1,3		
8	Xây dựng Nhà văn hóa xã Thủy Bằng thôn Bằng Lãng	Xã Thủy Bằng	0,40	0,4		
9	Dự án Mạch 2 đường dây 220 KV Đông Hà - Huế đoạn qua địa bàn tỉnh TT. Huế	Xã Thủy Bằng	0,21			0,12
10	Đất đầu giá Khu trung tâm xã Thủy Tân	Xã Thủy Tân	0,6	0,6		
11	Khu dân cư thôn Dạ Lê	Xã Thủy Vân	1,00	1,00		
12	HTKT khu TĐ4 thuộc khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Vân	5,10	4,40		
13	Cửa hàng xăng dầu	Xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy	1,20	1,20		
14	HTKT khu TĐ5 thuộc khu B- đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Vân	4,70	3,82		
15	HTKT khu tái định cư Thủy Dương giai đoạn 3, khu đô thị mới an Vân Dương	Phường Thủy Dương	5,12	4,05		
16	HTKT khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3, khu đô thị mới an Vân Dương	Xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương	6,14	4,90		
17	Đường mặt cắt 19.5m đi qua khu đất xây dựng bệnh viện Sản - Nhi, thuộc khu E- đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương	0,54	0,54		
18	Giải phóng mặt bằng cạnh khu vực thực hiện các dự án TĐC2 và đường Trường Chinh nối dài thuộc khu A- đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Thanh	2,45	2,45		
19	Nâng cấp đê Đại Giang thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung	Xã Thủy Phù	0,38	0,38		
20	Bệnh viện Sản nhi thuộc khu E khu đô thị mới AVD	Xã Thủy Thanh và Phường Thủy Dương	3,60	3,60		
21	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Dương	0,60	0,60		

PHỤ LỤC 5
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN DO THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
XÁC ĐỊNH TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017
(Đính kèm Quyết định số: 96 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)
1	Khu quy hoạch xen cư (vùng Lò Gạch)	Phường Thủy Phương	0,12
2	Xen ghép dọc đường Trần Hoàn, cư dọc đường Thuận Hóa, dọc đường Bê tông ông Thệ	Phường Thủy Lương	0,33
3	Khu QH xen cư cạnh nhà thờ họ Dương	Phường Thủy Lương	0,53
4	Khu xen cư dọc đường Nguyễn Thái Bình	Phường Thủy Lương	0,82
5	Khu xen cư tổ 4 (phía sau đường Hoàng Phan Thái)	Phường Thủy Lương	1,08
6	Xây dựng nhà văn hóa xã Thủy Phù	Xã Thủy Phù	0,10
7	Khu dân cư dọc đường WB	Xã Dương Hòa	0,40
8	Mương thoát nước tổ 8, 9	Phường Thủy Châu	0,07
9	Xen ghép	Phường Phú Bài	0,04
10	Trung tâm thương mại và dịch vụ	Phường Phú Bài	0,81
11	Quy hoạch tái định cư thôn La Khê (các hộ có nguy cơ sạt lở núi Độn Chao)	Xã Thủy Bằng	0,17
12	Quy hoạch đấu giá xen ghép	Xã Thủy Bằng (các thôn Cư Chánh 1 Cư Chánh 2 Kim Sơn Bằng Lăng)	0,50
13	Công viên vườn địa đàng	Thủy Dương, Thủy Bằng, Nguyệt Biểu	27,32
14	Chỉnh trang mặt đường Khu trung tâm (Nhà VH đến nhà ông Hiếu)	Xã Thủy Tân	0,04
15	Trường mầm non xã Phú Sơn	Xã Phú Sơn	0,34
16	Đường giao thông trung tâm xã Phú Sơn	Xã Phú Sơn	2,94
17	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư toàn thị xã Hương Thủy	Thị xã Hương Thủy	16,00
18	Các quỹ đất xen ghép trong năm 2016, phát sinh trong năm 2016 chưa đấu giá chuyển qua thực hiện trong 2017	Thủy Dương, Thủy Lương, Phú Bài, Thủy Phương, Thủy Phù, Thủy Tân, Thủy Bằng	3,10
19	Đấu giá QSDĐ Khu đất ký hiệu 19 và 19a thuộc Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An	Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường	0,53

		Thùy Dương	
20	Khu đất có ký hiệu TMDV 17 thuộc Khu đô thị mới Đông Nam Thùy An	Khu đô thị mới Đông Nam Thùy An, phường Phường Thùy Dương	0,26
21	Đấu giá QSDĐ Khu đất ký hiệu 11 thuộc Khu đô thị mới Đông Nam Thùy An	Khu đô thị mới Đông Nam Thùy An, phường Thùy Dương	0,18
22	Điểm du lịch thác Chín Chàng, Khe Đây	Xã Dương Hòa	5,00
23	Dịch vụ Thùy Dương	Phường Thùy Dương	1,50

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN DO THỊ XÃ HƯƠNG THỦY XÁC ĐỊNH
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2015, 2016 CHUYÊN TIẾP NĂM 2017
(Đính kèm Quyết định số: 96 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)
I	Chuyển tiếp từ năm 2015		
1	Đất xen ghép khu dân cư đường Trần Hoàn	Phường Thủy Lương	0,18
2	Khu đất phân lô ở Cồn Chạng	Xã Thủy Phù	1,16
3	Khu đất phân lô ở Bàu Quánh trên	Xã Thủy Phù	0,91
4	Khu đất phân lô ở Cồn Bún	Xã Thủy Phù	0,70
5	Phát triển trang trại Khu vực Lương Miêu 4 và 5 (đổi vị trí)	Xã Dương Hòa	40,00
6	Điểm dân cư xen ghép dọc đường bê tông thôn Hộ.	Xã Dương Hòa	0,36
7	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ 15	Phường Thủy Châu	0,16
8	Mở rộng hệ thống thoát nước đường nội thị (cống thoát nước đường Nguyễn Khoa Văn, cống nội thị).	Phường Phú Bài	0,30
9	Mở rộng trường THCS Thủy Bằng	Xã Thủy Bằng	0,20
10	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tại Trung tâm	Xã Thủy Tân	0,25
II	Chuyển tiếp từ năm 2016		
1	Các khu xen cư đất ở tại các tổ (1, 8, 10, (đường Giáp Hải), 14, 16)	Phường Thủy Phương	2,32
2	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua đồng Thanh Lam	Phường Thủy Phương	1,50
3	Trung tâm pháp y Tâm thần khu vực miền Trung	Phường Thủy Phương	2,50
5	Đài viễn thông Nam Sông Hương	Phường Thủy Phương	0,34
6	Khu dân cư Sân Ri (giai đoạn 2)	Phường Thủy Lương	0,48
7	Các khu xen cư đất ở (Làng nghề Lương Mỹ, Hoàn Phan Thái, Khu Rột Cây Xoài, Võ Xuân Lâm)	Phường Thủy Lương	3,24
8	Khu xen ghép tiếp giáp Khu Tái định cư Bệnh viện Hương Thủy	Phường Thủy Lương	0,10
9	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Hướng Dương	Xã Thủy Phù	0,82
10	Giao đất lâm nghiệp	Xã Thủy Phù	55,00
11	Trang trại tổng hợp	Xã Thủy Phù	1,64
12	Khu dân cư trước nhà Văn hóa xã.	Xã Dương Hòa	0,80
13	Kè thoát nước dọc tuyến đường Nguyễn Thượng Phương	Phường Thủy Châu	0,05
14	Kiệt 709 Nguyễn Tất Thành (Đoạn từ nhà ông Miễn	Phường Thủy Châu	0,01

	đến ông Chớ)		
15	Kiệt 20 Đổ Nam (Đoạn từ nhà bà Mai đến Lê Trọng Bật)	Phường Thủy Châu	0,35
16	Đường hạ tầng Tổ 5 (Thửa 237, tờ 14)	Phường Thủy Châu	0,01
17	Quy hoạch xen cư các Tổ dân phố 1;2;3;4;9;12;13 và Tổ 15	Phường Thủy Châu	1,51
18	Mở rộng trường Mầm non Ánh Dương	Phường Thủy Châu	0,87
19	Nhà hiệu bộ THCS Thủy Châu (mở rộng trường THCS Thủy Châu)	Phường Thủy Châu	1,30
20	Các khu xen cư đất ở Tổ 5, 9, 14, 15, 16, phía đông và tây đường Quang Trung	Phường Phú Bài	2,45
21	Chinh trang Quốc lộ 1A (khu vực đổi diện công vào sân bay)	Phường Phú Bài	2,00
22	Các khu xen cư thôn Vân Thê Làng	Xã Thủy Thanh	1,40
23	Quy hoạch đấu giá khu Đồng Cát	Xã Thủy Bằng	1,00
24	Quy hoạch điểm dân cư mới	Xã Thủy Bằng	1,52
25	Nhà văn hóa thôn La Khê	Xã Thủy Bằng	0,10
26	Xây dựng mới trụ sở UBND xã	Khu B KĐT An Vân Dương, xã Thủy Vân	0,50
27	Đất xen ghép tổ 1, 4, 16	Phường Thủy Dương	0,19
28	Các khu Quy hoạch đất xen cư Tổ 12, 20 (tiếp giáp khu Sân bay, đường Phùng Quán)	Phường Thủy Dương	2,20
29	Phát triển trang trại tại xã Phú Sơn (trang trại nuôi lợn Công nghiệp)	Xã Phú Sơn	30,00
30	Bãi chôn lấp chất thải rắn Phú Sơn	Xã Phú Sơn	5,00
III	Các dự án đã thu hồi đất		
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tại định cư dọc đường Quang Trung, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy (giai đoạn 1)	Phường Phú Bài	
2	Đấu giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở xen cư tại thôn Kim Sơn	Xã Thủy Bằng	
3	Dự án giao đất tái định cư và đấu giá đất ở xen cư tại thôn Cư Chánh 1	Xã Thủy Bằng	
4	Dự án xây dựng Trụ sở Công an phường Thủy Châu thuộc Công an thị xã Hương Thủy	Phường Thủy Châu	
5	Quy hoạch xen cư tổ 4, tổ 16, và tổ 19, phường Thủy Dương	Phường Thủy Dương	
6	Xây dựng đường Thân Nhân Trung nối với kiệt đường Vân Dương	Xã Thủy Phù	
7	Xây dựng công trình: Đường bê tông thôn 4-6	Xã Thủy Phù	
8	Dự án đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất gạch không nung tại Cụm công nghiệp Thủy Phương	Phường Thủy Phương	
9	Dự án xây dựng Nhà máy chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng tại Cụm công nghiệp Thủy Phương	Phường Thủy Phương	
10	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thanh Lâm	Phường Thủy	

	giai đoạn 2	Phường	
11	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư dọc đường Quang Trung	Phường Thủy Phương	
12	Mở rộng trường Mãn nạn Nguyễn Viết Phong	Phường Thủy Phương	
13	Quy hoạch xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Khu dân cư TĐC 2 thuộc Khu A - Khu đô thị mới An Vân Dương	Xã Thủy Thanh	
14	Xây dựng đường Trung tâm xã Thủy Thanh (Nút giao nối Tỉnh lộ 1)	Xã Thủy Thanh	
15	Dự án sân bóng đá xã, hạng mục san nền đường đi và sân bóng đá xã Thủy Thanh	Xã Thủy Thanh	
16	Dự án đầu tư xây dựng đường mặt cắt 100m thuộc Khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương (nối từ cầu Vượt sông như Ý đến đường mặt cắt 60m)	Xã Thủy Vân	
17	Dự án xây dựng đường Quang Trung (giai đoạn 1) tại phường Thủy Lương và phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy	Phường Thủy Lương, phường Phú Bài	
18	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tổ 11	Phường Thủy Phương	
19	Xây dựng công trình đường Nguyễn Văn Chính nối dài nối dài	Phường Thủy Phương	
20	Dự án đầu tư xây dựng đường mặt cắt 100m thuộc Khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương (nối từ cầu Vượt sông như Ý đến đường mặt cắt 60m) (đợt 2)	Xã Thủy Vân	
22	Quy hoạch tái định cư Tổ 17	Phường Phú Bài	